TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2018.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà M và ông T.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Trường**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Lê Thị Sáu**
- Bà **Phan Thị Hà**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **10** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 77/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị M** sinh năm: 1967

Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông **Lê Văn T** sinh năm: 1969

Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bình Định vào ngày 11/9/2000, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Bà M cho rằng ông T không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường xuyên rượu chè say sỉn, cờ bạc, đánh đập vợ con, xúc phạm đến thể xác và tinh thần của vợ, đập phá tài sản đồ đạc trong gia đình từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Rất nhiều lần ông T đã bị Công an xã L lập biên bản vi phạm, vì thương chồng nên bà đã làm đơn xin bãi nại, bảo lãnh nhưng sau đó ông T vẫn không tự nguyện sửa chữa, khắc phục. Bà M cho rằng mâu thuẫn kéo dài 13 năm đến nay đã rất trầm trọng, bà M không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Lê Ánh C1, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Lê Anh C2, sinh ngày 26/02/2002. Bà M cho rằng ông T suốt ngày say sỉn, không lo làm ăn và không có khả năng nuôi con nên bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của ông Lê Văn T tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Trần Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà M; xử cho bà M được ly hôn với ông T;

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Ánh C1, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Lê Anh C2, sinh ngày 26/02/2002 cho bà M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M trình bày không có và không yêu cầu nên không đề cập đến.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Trần Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp "*Ly hôn*" với ông Lê Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị M và ông Lê Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bình Định vào ngày 11/9/2000, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Bà M cho rằng quá trình chung sống ông T không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường xuyên rượu chè say sỉn, cờ bạc, đánh đập

vợ con, xúc phạm đến thể xác và tinh thần của vợ, đập phá tài sản đồ đạc trong gia đình từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài 13 năm đến nay đã rất trầm trọng, bà M không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn ông T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhiều lần nhưng ông T cố tình không đến, điều đó chứng tỏ ông T không còn tình cảm với bà M và ông T cũng không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ với bà M để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M; xử cho bà M được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà M trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ánh C1, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Lê Anh C2, sinh ngày 26/02/2002. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cả 02 con chung đều đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Hai con chung đều có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Bà M cho rằng bà có đủ điều kiện về kinh tế để thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất. Ông T thì thường xuyên say sỉn, đánh đập các con nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho bà M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà M không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí:* Buộc bà M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông Lê Văn T về tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Lê Văn T.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Ánh C1, sinh ngày 19/11/2000 và cháu Lê Anh C2, sinh ngày 26/02/2002 cho bà Trần Thị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Trần Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005187 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường